

Bản án số: 96/2026/HS-PT

Ngày: 28/5/2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

**Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Anh.

**Các Thẩm phán:** Ông Trần Văn Kiến.

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

**Thư ký ghi biên bản phiên tòa:**

Ông Nguyễn Chí Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**

Ông Võ Mỹ Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2026/TB-TA ngày 13 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2026/HS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực A - Đồng Tháp.

**Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 12/10/1976; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; số căn cước: 087076017773; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi thường trú: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: Không biết chữ; họ và tên cha: Nguyễn Văn B, sinh năm 1952; họ và tên mẹ Bùi Thị X, sinh năm 1961; Anh (chị) em ruột: 06 người, bị cáo là con thứ 06 trong gia đình; Vợ tên Trần Thị Đ, sinh năm 1979; Con 02 người, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thanh S**, sinh ngày 05/9/1990; tên gọi khác: L; giới tính: Nam; số căn cước: 087090009806; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi thường trú: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: 6/12; Họ và tên cha Nguyễn Văn B, sinh năm 1952; Họ và tên mẹ Bùi Thị X, sinh năm 1961; Anh (chị) em ruột 06 người, bị cáo là con thứ út trong gia đình; vợ tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1993;

có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**3. Nguyễn Văn H**, sinh ngày 15/7/1975; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; số căn cước: 087075011215; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi thường trú: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; H1 và tên cha: Nguyễn Văn T1, không xác định năm sinh (đã chết); họ và tên mẹ Nguyễn Thị P, không xác định năm sinh (đã chết); Anh (chị) em ruột: 07 người, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Vợ tên Nguyễn Thị P1, sinh năm 1982; con tên Nguyễn Thị Ngọc Ý, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**4. Lê Văn T2**, sinh ngày 01/01/1993; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: Ấp B, phường H, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Họ và tên cha Lê Văn B1, sinh năm 1970 (Sống); Họ và tên mẹ Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1970 (Sống); bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ tên Nguyễn Thị Giàu E, sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo vắng mặt.

*Người bào chữa cho các bị cáo:*

Luật sư Tăng Thị L1 – Văn phòng Luật sư Tăng Thị L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

***Bị hại:***

1. Lê Văn T3, sinh năm 1975 (*vắng mặt*).

Nơi cư trú: Khóm B, phường H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 12/10/1976 (*cũng là bị hại – có mặt*).

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

***Người làm chứng:***

1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1979 (*vắng mặt*).

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Trần Thị Đ1, sinh năm 1977 (*vắng mặt*).

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Lê Văn S1, sinh năm 1972 (*vắng mặt*).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Lê Văn N1, sinh năm 1994 (*vắng mặt*).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1979 (*vắng mặt*).

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Bà Nguyễn Thị Giàu E, sinh năm 1997 (*vắng mặt*).

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

*Bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Bị cáo Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Đ là vợ chồng, sau đó giữa T và Đ đã ly thân 04 năm và hiện tại giữa T và Đ đã có quyết định ly hôn. Khi phát hiện Lê Văn T3 đang ở nhà của Trần Thị Đ, bị cáo T rủ Nguyễn Thanh S (em ruột T) và Nguyễn Văn H (bạn của T) cùng ngụ xã B, huyện T (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) đến nhà bà Đ, mục đích để đánh gây thương tích bà Đ và ông T3. Cụ thể như sau: Vào khoảng 19 giờ, ngày 22/8/2024 Nguyễn Văn T có uống rượu nên nhớ lại việc bà Đ có quan hệ tình cảm yêu thương với ông T3 nên T đi bộ đến nhà Nguyễn Thanh S (tên gọi khác là L - em ruột của T) rủ S lấy xe mô tô chở T đi đánh ghen, S đồng ý. Sau đó, S vào bếp lấy theo 01 (một) con dao tự chế (loại dao mác vót) chiều dài 46cm, cán dao dài 12cm, màu đen, giấu trong người rồi điều khiển xe mô tô chở T chạy đến nhà bà Đ. Trên đường đi thì gặp Nguyễn Văn H nên H hỏi đi đâu? T trả lời: “Đi bắt ghen”, T hỏi theo không thì H đồng ý nên S chở T và H chạy xe đến nhà chị Đ tại ấp C, xã T. Khi đến nhà bà Đ, T đi vào trước kéo cửa màn nhìn ra thấy bà Đ và ông Lê Văn T3 (ngụ xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, nay là phường H) nằm ôm nhau trên võng nên T nói: “Hai đứa bây ôm nhau đã chưa?” thì bà Đ trả lời: “Mày làm gì tao”, lúc này S cầm 01 (một) con dao, còn H cầm 01 (một) khúc gỗ dài khoảng 01 (một) mét vừa đi vào, S nói: “Đụ má, tao khoá cửa lại, tao đâm mày luôn”, nên T xông đến chửi T3: “Đụ má mày lấy vợ tao”, rồi T cầm ghế nhựa màu xanh- trắng đánh 03-04 cái hướng từ trên xuống trúng vào đầu, trúng tay phải, trúng vào người T3 nên T3 giơ tay đỡ làm ghế nhựa bị gãy, tiếp tục T cầm ghế nhựa bị gãy đánh nhiều cái trúng vào người bà Đ, còn H cầm khúc gỗ đánh T3 nhiều cái trúng vào cánh tay trái, tiếp tục S cầm dao đâm thẳng vào người T3 thì T3 lấy tay trái chụp lưỡi dao lại làm ngón 01 bàn tay trái bị thương tích. Lúc này, bà Trần Thị Đ1 đến kêu S mở cửa rào nhưng S không mở thì có người truy hô nói dòng họ T3 đến nên S, H bỏ lại dao và khúc gỗ rồi mở cửa rào bỏ chạy, còn T đi ra sau, rồi chị Đ bỏ chạy ra ngoài. Lúc này, Lê Văn T2 (cháu T3) vừa chạy xe đến trên tay cầm 01 (một) ống tiếp sắt tròn, dài khoảng 0,5 mét, T2 hỏi T3: “Ai chém ông dữ ạ?”, có người nói: “Thằng đó” (tức T) nên T2 cầm ống tiếp đánh nhiều cái hướng từ trên xuống trúng vào đầu, vào vai phải, tay phải làm T té ngã xuống

đất và T2 tiếp tục dùng chân đá 02-03 cái vào người T gây thương tích. Sau đó, mọi người xung quanh đến can ngăn và đưa T3, T đi cấp cứu. T3 và T làm đơn yêu cầu xử lý hình sự người gây thương tích cho mình.

\* Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 134 ngày 24/10/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ kết luận Lê Văn T3:

Sẹo vết thương phần mềm đỉnh phải, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%.

Sẹo vết thương phần mềm má phải, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 03%.

Sẹo vết thương phần mềm môi trên trái, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 03%.

Sẹo vết thương phần mềm mặt ngoài khuỷu tay phải, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%.

Sẹo vết thương phần mềm mặt trong 1/3 dưới cẳng tay phải, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%.

Sẹo vết thương phần mềm ngón 1 bàn tay trái, kích thước trung bình, tỷ lệ tổn thương 02%.

Sẹo vết thương phần mềm mặt trong 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%.

02 sẹo vết thương phần mềm mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái, kích thước nhỏ, mỗi sẹo 01%.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn T3 tại thời điểm giám định là 13%.

*Kết luận khác:*

- Tổn thương ngón 1 bàn tay trái do vật sắc gây ra.

- Các tổn thương còn lại do vật tày gây ra.

\* Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 135 ngày 24/10/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ kết luận Nguyễn Văn T:

- Sẹo vết thương phần mềm thái dương trái, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%.

- Sẹo vết thương phần mềm đốt xa ngón III bàn tay phải, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%.

- Vết biến đổi sắc tố da vai phải, tỷ lệ tổn thương 0,5%.

- Vết biến đổi sắc tố da hông phải, tỷ lệ tổn thương 0,5%.

- Vết biến đổi sắc tố da mặt trước ngoài 1/3 dưới cằm trái, tỷ lệ tổn thương 0,5%.

- Vết biến đổi sắc tố da mặt trước trong 1/3 dưới cằm phải, tỷ lệ tổn thương 0,5%.

- Vùng cẳng tay phải, cẳng chân phải, gối trái hiện không thấy dấu vết thương tích, không cho tỷ lệ phần trăm.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T tại thời điểm giám định là 04%.

*Kết luận khác:*

- Tổn thương trên do vật tày gây ra (Bút lục số 150-153)

\* Vật chứng của vụ án thu giữ:

- 01 con dao, chiều dài 46cm, cán dao dài 12cm, màu đen.

- 01 ghế nhựa màu xanh trắng, bị gãy vỡ thành nhiều mảnh.

Tất cả đã qua sử dụng (Bút lục số 01).

Riêng 01 ống tiếp sắt tròn, dài khoảng 0,5 mét và 01 khúc gỗ dài khoảng 01 mét, không thu giữ được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ có tổ chức truy tìm nhưng không tìm được (Bút lục 168-169).

\* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 08/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã T kết luận: 01 ghế nhựa có tựa lưng, cao 67cm, giá trị định giá là 18.000 đồng (Bút lục số 411).

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại Lê Văn T3 cho rằng các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn H chưa bồi thường xong các khoản gồm tiền thuốc điều trị bệnh, tiền tổn thất tinh thần. Nhưng tại phiên tòa bị hại T3 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn H bồi thường cho bị hại T3. Bị hại T3 có đơn xin rút yêu cầu xử lý hình sự và bãi nại cho bị cáo T, S, H.

+ Bị hại Nguyễn Văn T tự nguyện thống nhất nhận tiền bồi thường của bị cáo T2, tổng số tiền 30.000.000 đồng (Theo biên nhận ngày 09/01/2026), bao gồm: Tiền thuốc điều trị bệnh, tiền tổn thất tinh thần (đã nhận xong 20.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực A để khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại T nên bị hại T chưa nhận). Bị hại T có đơn xin rút yêu cầu xử lý hình sự và bãi nại cho bị cáo Lê Văn T2.

+ Đối với 01 ghế nhựa màu xanh trắng, bị gãy vỡ thành nhiều mảnh là tài sản của bà Trần Thị Đ nhưng bà Đ không yêu cầu bồi thường.

+ Đối với hành vi của Nguyễn Văn T có dùng ghế nhựa đánh bà Đ nhưng bà Đ không có yêu cầu xử lý hình sự đối với T và từ chối giám định thương tích.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn T2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu và chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Văn T2 thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát

viên. Bị cáo T thừa nhận có thực hiện hành vi phạm tội nhưng do ghen tuông quá mức.

Riêng bị cáo Nguyễn Văn S2 và Nguyễn Văn H không thừa nhận cầm dao tự chế và khúc gỗ đâm và đánh gây thương tích cho bị hại Lê Văn T3. Các bị cáo Nguyễn Văn S2 và Nguyễn Văn H không thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2026/HS-ST ngày 11/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực A - Đồng Tháp đã quyết định:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S (L) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S (L) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

4. Căn cứ Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ một phần vụ án đối với bị cáo Lê Văn T2. Do Người yêu cầu khởi tố vụ án hình sự là bị hại Nguyễn Văn T có đơn xin rút lại đơn yêu cầu xử lý hình sự và bãi nại cho bị cáo Lê Văn T2.

\* Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ biên nhận ngày 09/01/2026; Căn cứ Điều 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và các bị cáo:

+ Bị hại Lê Văn T3 cho rằng các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn H chưa bồi thường xong các khoản gồm tiền thuốc điều trị bệnh, tiền tổn thất tinh thần. Nhưng tại phiên tòa bị hại T3 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Văn H bồi thường cho bị hại T3, Viện kiểm sát đề nghị không xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Bị hại Nguyễn Văn T tự nguyện thống nhất nhận tiền bồi thường của bị cáo T2, tổng số tiền: 30.000.000đồng (Theo biên nhận ngày 09/01/2026), bao gồm: tiền thuốc điều trị bệnh, tiền tổn thất tinh thần (đã nhận xong 20.000.000đồng, còn 10.000.000đồng đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Đồng Tháp) để khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại T nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết cho bị hại Nguyễn Văn T được nhận số tiền 10.000.000đồng, đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực A – Đồng Tháp theo biên lai thu tiền số 2603 ngày 12/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

+ Đối với 01 ghế nhựa màu xanh trắng, bị gãy vỡ thành nhiều mảnh là tài sản của bà Trần Thị Đ nhưng bà Đ không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại.

Ngày 24/02/2026, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 24/02/2026, các bị cáo Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng các bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn H thừa nhận Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan sai. Bị cáo T giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo S, H thay đổi kháng cáo từ kêu oan sang xin được giảm nhẹ hình phạt.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua xét xử tại phiên tòa có cơ sở khẳng định Bản án sơ thẩm xét xử và kết án các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, không oan, sai. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ nhưng không cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ khác so với các tình tiết mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

*Luật sư bào chữa cho các bị cáo phát biểu:* Bị cáo T phạm tội do ghen tuông có căn cứ, chứ không phải ghen tuông vô cớ vì lúc đó T và chị Đ chưa ly hôn, đến ngày 05/9/2024 thì Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng mới xử cho ly

hôn. T xác định vợ ngoại tình nên không kiềm chế được dẫn đến gây thương tích cho T3 13%. T khai có mang theo dao Thái Lan đâm T3, T3 sợ nên nắm lưỡi dao, S giật lại, thương tích 02% của T3 do T gây ra. T dùng ghế đánh T3 và Đ. Bản án sơ thẩm nhận định T ghen tuông vô cớ là không đúng, nhưng T đã gây thương tích cho người khác là có vi phạm pháp luật. Chị Đ cũng đã vi phạm chế độ 01 vợ 01 chồng, việc này không xử phạt hành chính là làm chưa tới nơi tới chốn. Bị cáo T có cầm khúc gỗ tre định đánh nhưng bị cáo H chặn không cho đánh. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, nguyên nhân phạm tội. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T muốn khắc phục cho T3 1.000.000 đồng, bị cáo T cũng bị rối loạn tư duy, không biết chữ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Đối với bị cáo S tại phiên tòa khai con dao gây thương tích không phải con dao bị cáo mang theo mà là dao của bị cáo T, lời khai của chị Đ không khách quan vì chị này đang mâu thuẫn với các bị cáo. Chị Đ1 là chị ruột của chị Đ nên lời khai cũng không khách quan, còn các người làm chứng khác họ khai không biết. Bị cáo S đã ăn năn hối cải, có đi theo bị cáo T giúp sức về mặt tinh thần. Bị cáo S xin được khắc phục hậu quả 1.000.000 đồng. Đối với bị cáo H có đi theo giúp sức nay có ý khắc phục hậu quả, vợ bị cáo H bị bệnh tiểu đường nên H phải lo cho vợ, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H. Tại phiên tòa phúc thẩm, cả 03 bị cáo tự nguyện bồi thường theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Luật sư thống nhất về tội danh, đề nghị xét xử các bị cáo dưới khung hình phạt, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Xét thời hạn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn H là trong thời hạn và đúng quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn H thừa nhận phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy: Do ghen tuông nên vào khoảng 19 giờ ngày 22/8/2024, bị cáo Nguyễn Văn T rủ rê bị cáo Nguyễn Thanh S (em ruột T) và bị cáo Nguyễn Văn H (bạn của T) đến nhà bà Trần Thị Đ (vợ T) và dùng ghế nhựa, dao và khúc gỗ gây thương tích cho ông Lê Văn T3 với tỷ lệ 13%. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn H là nguy hiểm cho xã hội đã sử dụng hung khí xâm phạm đến sức khỏe của người khác trái pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo với tội danh trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ, hậu quả từ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T là người chủ mưu thực hiện hành vi phạm tội với mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù, xử phạt các bị cáo Nguyễn Thanh S 02 năm 03 tháng tù, Nguyễn Văn H 02 năm tù với vai trò giúp sức là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét. Các bị cáo cho rằng tại phiên tòa phúc thẩm có tự nguyện bồi thường cho bị hại nhưng trong vụ án này bị hại Tỷ không có yêu cầu bồi thường dân sự, bị hại T3 cũng không kháng cáo về bồi thường dân sự và không có tài liệu chứng minh bị hại đã nhận bồi thường từ các bị cáo nên không có căn cứ áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Từ đó cũng không đủ điều kiện để áp dụng quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt ở mức dưới khung cho các bị cáo. Xét thấy, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, phân hóa được vai trò từng bị cáo trong vụ án có đồng phạm; ngoài ra, các bị cáo cũng không cung cấp được các tình tiết giảm nhẹ mới so với các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần này.

[4] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; không có cơ sở chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư, lý do đã được phân tích ở các phần trên.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2026/HS-ST ngày 11/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực A - Đồng Tháp về hình phạt đối

với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Văn H.

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh S (L) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S (L) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Thanh S, bị cáo Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2026/HS-ST ngày 11/02/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực A – Đồng Tháp không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND KV A - Đồng Tháp;
- VKSND KV A - Đồng Tháp;
- THAHS CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV A – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Anh**